

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23-01-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Khắc Quyết

Bà Lê Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024, về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị L, sinh năm 1964; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- Bị đơn: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1962; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 08-01-2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Hồ Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Bùi Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1984, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng đến ngày 06/12/2002 bà và ông T mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bàng La, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống đến khoảng năm 2004 bà và ông T phát sinh mâu thuẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không tôn trọng nhau, bất đồng quan điểm sống. Bà thường đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về thăm gia đình nên vợ chồng cũng không tin tưởng nhau về mọi mặt. Vì con cái nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, bà vẫn ở cùng với ông T

nhưng trong công việc làm ăn, kinh tế ai làm người đó tự chi tiêu, quản lý riêng không liên quan đến nhau. Thời gian gần đây khoảng từ tháng 5/2024 đến nay bà không đi làm ăn xa nữa mà về nhà ở nên ông T thường hay gây sự chửi bới bà, có lời lẽ xúc phạm bà và gia đình bà, thậm chí ông T còn vứt hết quần áo của bà ra đường đuổi bà đi. Con cái bà cũng đã khuyên giải nhưng ông T không thay đổi được cách sống dẫn đến cuộc sống của bà vô cùng mệt mỏi. Hiện nay, bà đã bỏ về nhà mẹ đẻ bà ở Đồng Tiến 2, phường Bàng La, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng sinh sống. Nay mâu thuẫn giữa bà và ông T đã trầm trọng nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 03 con chung là Bùi Văn L, sinh năm 1984, Bùi Văn H, sinh năm 1987 và Bùi Thị D, sinh năm 1990. Anh L, anh H và chị D đều đã thành niên nên khi ly hôn, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản chung: Khi ly hôn, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập cho ông Bùi Văn T theo quy định nhưng ông T không đến Tòa án tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án không có bản tự khai của ông T.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/12/2024, ông T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Hồ Thị L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1984. Trong quá trình vợ chồng chung sống, bà L thường đi làm ăn xa gia đình, thỉnh thoảng mới về thăm nhà, hàng tháng bà L có gửi tiền về cho ông một vài triệu để nuôi 02 cháu nội là con đẻ của con trai lớn của ông bà là anh Bùi Văn L, anh L đã ly hôn vợ nên ông bà phải trông nom, chăm sóc con giúp cho anh L. Đến đầu năm 2024, bà L về nhà không đi làm ăn xa nữa, tuy nhiên từ khi về nhà ở cùng ông, bà L đi suốt ngày, từ sáng sớm đến tối muộn mới về nhà, không chăm lo cho gia đình nên giữa ông và bà L đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cãi vã lẫn nhau, bà L có những lời lẽ thô tục tôn trọng ông nên khi nóng giận ông cũng có xô sát với bà L nên từ khoảng tháng 10/2024 đến nay, bà L đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở Đồng Tiến 2, Bàng La ở, hai bên không còn trách nhiệm vợ chồng với nhau. Nay, bà L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông, ông thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên ông đồng ý ly hôn với bà L nhưng ông sẽ không ký vào bất kỳ văn bản, giấy tờ nào của Tòa án với L do bà L mấy năm trước có vay của ông 01 cây vàng để cho con trai là anh Bùi Văn L nhưng đến nay bà L không trả lại cho ông.

- Về con chung: Ông và bà L có 03 con chung là Bùi Văn L, sinh năm 1984, Bùi Văn H, sinh năm 1987 và Bùi Thị D, sinh năm 1990. Anh L, anh H và chị D đều đã thành niên nên khi ly hôn, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Khi ly hôn, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, ông T yêu cầu bà L phải trả cho ông T 01 cây vàng là tài sản riêng của ông T đã cho bà L vay.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án xác minh, thu thập được thể hiện: Bà L và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2002. Từ khoảng năm 2024, cuộc sống hôn nhân của bà L và ông T không còn hòa hợp, hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau và xúc phạm nhau do ông bà không tin tưởng nhau về tình cảm, kinh

tế. Từ khoảng tháng 10-2024 đến nay, bà L và ông T không còn chung sống với nhau, không quan tâm đến cuộc sống chung, không còn trách nhiệm vợ chồng với nhau.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ L cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông T. Về tài sản chung, bà L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bà L thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí, bà L đã có đơn đề nghị được miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của các đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn là ông Bùi Văn T, cư trú tại: Tổ dân phố Đông Tiến 2, phường Bàng La, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là bà Hồ Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Bùi Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về hôn nhân:

[3] Bà L và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bàng La, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 67 ngày 06-12-2002. Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được xác định: Trước đây, bà L và ông T chung sống hòa thuận. Đến khoảng từ đầu năm 2024, giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau. Bà L và ông T mỗi người ở một nơi, bỏ mặc nhau, mặc dù đã được gia đình các con khuyên giải nhưng không có kết quả. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Bà L và ông T có 03 con chung là Bùi Văn L, sinh năm 1984, Bùi Văn H, sinh năm 1987 và Bùi Thị D, sinh năm 1990. Anh L, anh H và chị D đều đã thành niên nên khi ly hôn bà L và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung: Bà L và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về yêu cầu của ông T đòi tiền bà L tại bản ghi lời khai của ông: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã hướng dẫn ông T về thủ tục kiện đòi tài sản cho người khác vay; nếu có đơn yêu cầu và các tài liệu chứng cứ chứng minh theo quy định của pháp luật, Tòa án sẽ xem xét thụ L, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí, bà L đã có đơn đề nghị được miễn án phí nên bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Bà L và ông T đều có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Hồ Thị L được ly hôn với ông Bùi Văn T.
2. Về án phí: Bà Hồ Thị L thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí, bà L đã có đơn đề nghị được miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.
3. Về quyền kháng cáo: Bà L và ông T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Bàng La, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Vinh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khắc Quyết Lê Thị Mai Hương

Bùi Xuân Vinh